

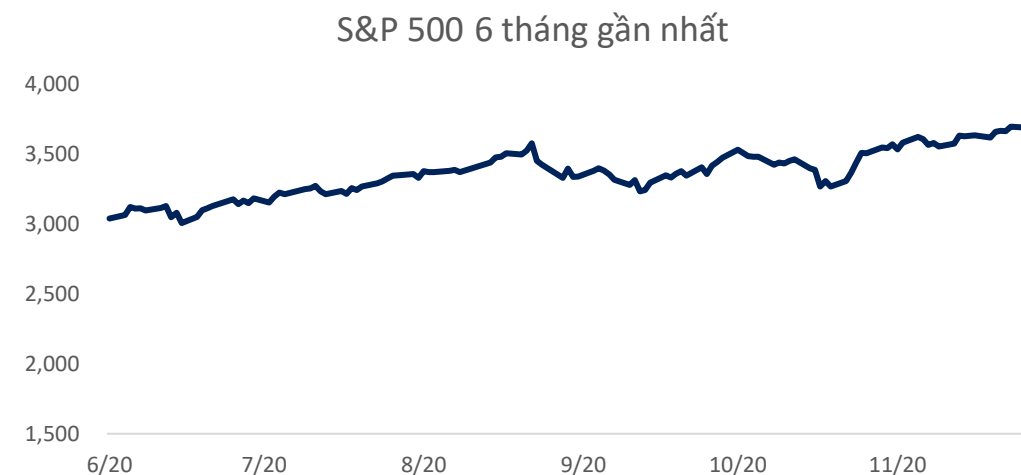


9/12/20

**DAILY** MORNING

Thông tin vaccine tích cực,  
S&P500 vượt 3,700 điểm

|                   | 9/12     | % Sáng<br>9/12 | 8/12     | % Ngày<br>8/12 | % Tuần | % Tháng |
|-------------------|----------|----------------|----------|----------------|--------|---------|
| VN INDEX          |          |                | 1,029.26 | -0.07%         | 2.02%  | 9.70%   |
| S&P 500           |          |                | 3,702.25 | 0.28%          | 1.09%  | 5.46%   |
| S&P500<br>Futures | 3,710.75 | 0.24%          | 3,702.00 | 0.30%          | 1.19%  | 6.00%   |
| Shanghai          |          |                | 3,410.18 | -0.19%         | -1.21% | 2.96%   |
| Euro Stoxx        |          |                | 3,525.87 | -0.12%         | 0.02%  | 10.04%  |



Nguồn: Bloomberg, BSC

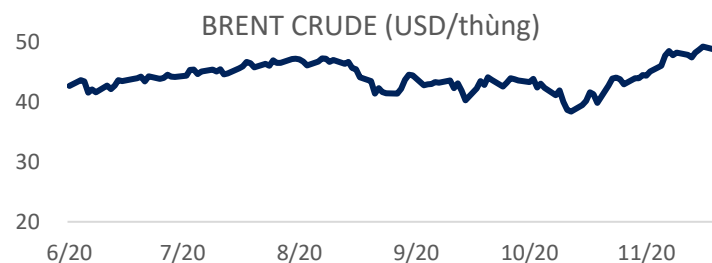
| Tin vĩ mô                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | PTKT                |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|
| <ul style="list-style-type: none"> <li>Johnson &amp; Johnson cho biết khả năng đạt được thử nghiệm vaccine Covid-19 vào tháng 1/2021. Pfizer Inc tiến bước trên cuộc đua vaccine sau khi các cơ quan quản lý công bố tài liệu cho thấy không có vấn đề về độ an toàn hoặc hiệu quả đối với vaccine của Pfizer.</li> <li>Chính quyền Donald Trump đưa ra gói hỗ trợ 916 tỷ USD bao gồm tăng ngân sách cho chính quyền địa phương, cũng như bảo vệ các công ty về các vụ kiện tụng liên quan tới Covid-19.</li> </ul> | S&P 500             |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Xu hướng Tăng       |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Kháng cự 3700       |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Hỗ trợ 3150         |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Điểm PTKT TÍCH CỰC  |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | SHComp              |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Xu hướng Tích lũy   |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Kháng cự 3500       |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Hỗ trợ 3000         |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Điểm PTKT TRUNG LẬP |



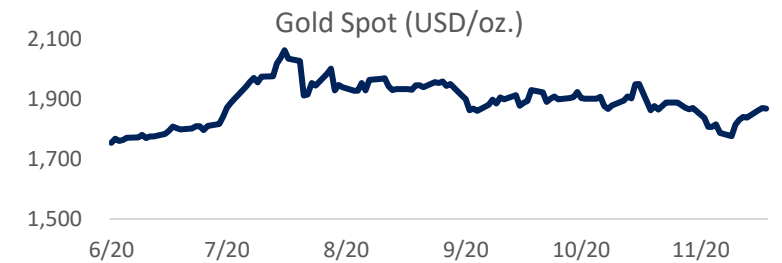
Nguồn: Bloomberg, BSC

| Mặt hàng     | Đơn vị   | 9/12     | % Sáng 9/12 | 8/12     | % 8/12 | % Tuần | % Tháng | Tích cực           | Tiêu cực           |
|--------------|----------|----------|-------------|----------|--------|--------|---------|--------------------|--------------------|
| WTI CRUDE    | USD/bbl. | 45.52    | -0.18%      | 45.60    | -0.35% | 0.53%  | 21.42%  | PVD, PVT           | GAS, BSR           |
| BRENT CRUDE  | USD/bbl. |          |             | 48.84    | 0.10%  | 2.99%  | 22.59%  | GAS, BSR           | PVD, PVT           |
| GASOLINE     | USd/gal. | 125.68   | 0.07%       | 125.59   | 0.01%  | 1.36%  | 16.69%  | PLX, OIL           | HVN, VJC           |
| Gold Spot    | USD/oz.  | 1,868.15 | -0.13%      | 1870.56  | 0.42%  | 2.01%  | 0.27%   | PNJ                |                    |
| Silver Spot  | USD/oz.  | 24.55    | -0.03%      | 24.55    | 0.28%  | 1.84%  | 1.83%   | PNJ                |                    |
| SOYBEAN      | USd/bu.  |          |             | 1,151.50 | -0.95% | -0.99% | 4.87%   | DBC, QNS           | HKB                |
| WHEAT        | USd/bu.  |          |             | 570.00   | -1.30% | -1.26% | -7.09%  | AFX                |                    |
| MILK         | USD/cwt  |          |             | 15.55    | 1.04%  | 2.03%  | -19.93% | VNM, GTN, QNS      | KDC                |
| RUBBER       | JPY/kg   | 237.20   | -1.74%      | 241.40   | -2.31% | -7.95% |         | SRC, CSM, DRC      | DPR, PHR, HAG, HNG |
| SUGAR        | USd/lb.  |          |             | 14.39    | -0.42% | -0.83% | -0.62%  | VNM, GTN, QNS      | SBT, LSS, SLS, QNS |
| COFFEE       | USd/lb.  |          |             | 119.25   | 0.13%  | 0.68%  | 9.96%   | CTP, DLG           | VCF, CTP           |
| LME COPPER   | USD/MT   |          |             | 7699.00  | -0.14% | 0.06%  | 10.83%  | CAV, SAM, TGP, VTH | MSN, ACM, BGM      |
| STEEL BAR    | CNY/MT   | 3,909.00 | -0.48%      | 3928.00  | 1.39%  | 3.00%  | 6.98%   | PC1, CTD, HBC      | HSG, HPG, NKG      |
| LME ALUMINUM | USD/MT   |          |             | 1990.00  | -1.34% | -3.61% | 4.65%   | CAV, SAM, TGP, VTH |                    |
| DCE Iron Ore | CNY/MT   | 905.00   | -1.47%      | 918.50   | 1.49%  | 6.16%  | 21.48%  | HSG, HPG           | HSG, HPG           |
| ICE Coal     | USD/MT   |          |             | 75.95    | -0.46% | 8.42%  | 21.81%  | HT1, BCC, PPC, POW | HLC, NBC, TNT, THT |

Ghi chú: USd = US Cent



Nguồn: Bloomberg, BSC

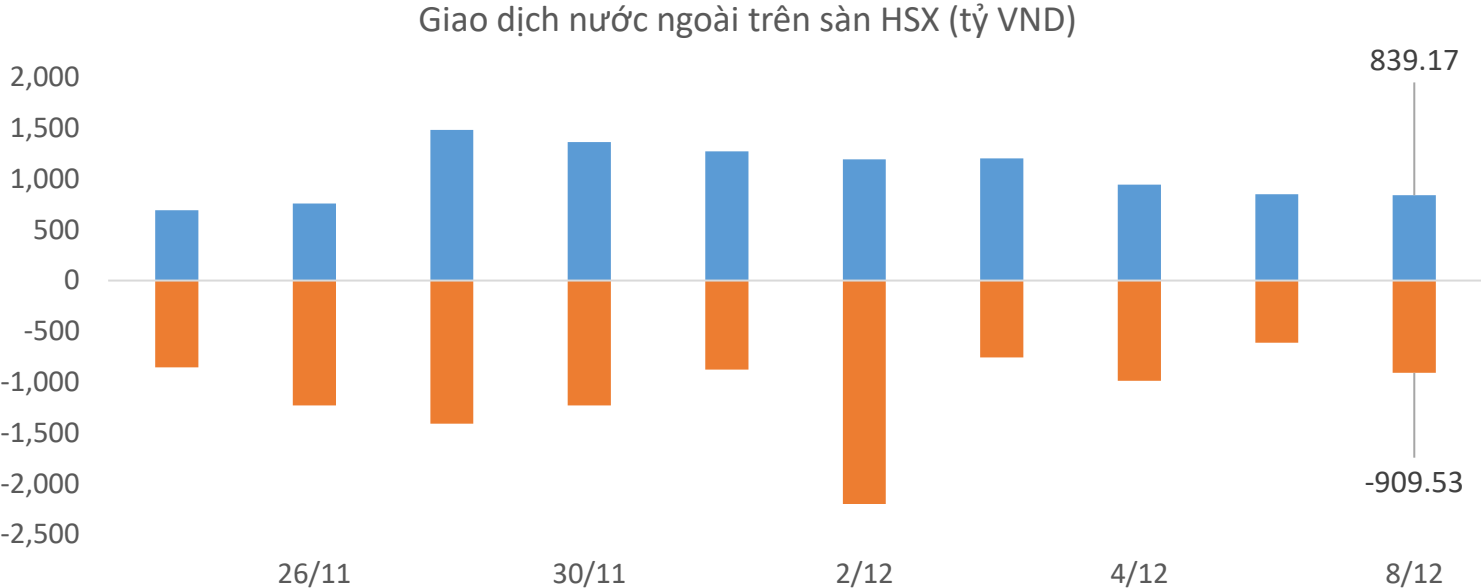


Nguồn: Bloomberg, BSC

# ETF FTSE, Diamond duy trì chuỗi tăng quy mô

| ETF       | AUM<br>(tr. USD) | NAV/CP<br>(USD) | ± Chứng<br>chỉ quỹ | %<br>Premium | Dòng vốn ròng (triệu USD) |      |      |       | Nhận định                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
|-----------|------------------|-----------------|--------------------|--------------|---------------------------|------|------|-------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|           |                  |                 |                    |              | 1D                        | 1W   | 1M   | 3M    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
| VNM       | 419.8            | 16.3            | 0.00               | 0.8%         | 0.0                       | 0.0  | 0.0  | -3.1  | ETF FTSE tăng quy mô phiên thứ 4 trong 6 phiên. ETF Diamond tăng phiên 12 liên tiếp. ETF E1 và Finlead giảm nhẹ quy mô. Các ETFs khác cân bằng và duy trì quy mô hiện tại. Khối ngoại mua bán trái chiều trong khu vực. Họ mua tại thị trường Indian, Philippines, Thailand, Taiwan và các ở các thị trường còn lại. |
| FTSE      | 287.4            | 33.3            | 0.06               | 1.3%         | 2.0                       | 4.3  | 9.5  | 11.2  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
| iShare    | 409.3            | 28.1            | 0.00               | -0.6%        | 0.0                       | 0.0  | 0.0  | 0.0   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
| E1VFN30   | 297.6            | 0.7             | -0.70              | 0.0%         | -0.5                      | -2.6 | 2.1  | 1.6   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
| FUEVFN30  | 159.9            | 0.7             | 2.40               | 1.7%         | 1.6                       | 26.6 | 39.4 | 51.6  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
| FUESSVFL  | 39.7             | 0.5             | -1.00              | -0.4%        | -0.5                      | -3.2 | -3.2 | -1.9  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
| FUESSVN30 | 2.6              | 0.5             | 0.00               | 0.6%         | 0.0                       | 0.0  | 0.0  | -0.4  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
| VN100     | 3.3              | 0.6             | 0.00               | 0.5%         | 0.0                       | 0.1  | 0.1  | 0.5   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
| KIM       | 195.9            | 12.6            | 0.00               | -0.4%        | 0.0                       | 0.0  | -4.8 | 0.0   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
| PREMIA    | 24.2             | 10.5            | 0.00               | -0.4%        | 0.0                       | 0.4  | 0.4  | (1.7) |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |

| Khối ngoại<br>(tr. USD)                               | Ngày    | Lũy kế từ<br>đầu tuần | Lũy kế từ<br>đầu tháng |
|-------------------------------------------------------|---------|-----------------------|------------------------|
| Việt Nam                                              | -5.95   | 2.99                  | -16.00                 |
| ASEAN4*                                               | 133.24  | 163.84                | 175.04                 |
| Ấn Độ                                                 | 462.88  | 462.88                | 1893.66                |
| Đài Loan                                              | 184.34  | 0.47                  | 587.79                 |
| Hàn Quốc                                              | -869.06 | -834.74               | 652.65                 |
| Nhật Bản                                              |         | 4397.16               | 1644.30                |
| Trung Quốc                                            |         |                       | -16562.35              |
| Ghi chú: * Thailand, Phillipines, Malaysia, Indonesia |         |                       |                        |
| Credit Default Swap                                   |         | MoM %                 |                        |
| Việt Nam                                              |         | -10.37                |                        |
| Thái Lan                                              |         | -1.88                 |                        |
| Singapore                                             |         | -10.37                |                        |
| Phillippines                                          |         | 20.79                 |                        |
| Malaysia                                              |         | 25.07                 |                        |



Nguồn: Fiinpro, BSC



## Tin vĩ mô

- Nhu cầu vốn cho kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 của Hà Nội dự kiến vào khoảng 482,780 tỷ đồng. Mục tiêu GRDP đầu người đạt 8,300-8,500 USD, GRDP tăng 7.5-8%.
- Thủ tướng giao Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam (ACV) quản lý, sử dụng, khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng không do Nhà nước đầu tư tại 22 sân bay. Thời hạn quản lý, khai thác 7/12/2020-31/12/2025, theo phương thức không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp.
- Năm 2021, TP HCM đặt mục tiêu tăng GRDP khoảng 6%, tổng vốn đầu tư xã hội chiếm bình quân khoảng 35% GRDP. TP HCM cũng dự kiến hỗ trợ gói tín dụng 4,000 tỷ đồng, lãi suất 0% dành cho các doanh nghiệp gặp khó khăn bởi dịch Covid-19.

## Thông số kỹ thuật

|          |          |
|----------|----------|
| Xu hướng | Tăng     |
| Chỉ báo  | Khả quan |
| Kháng cự | 1030     |
| Hỗ trợ   | 970      |



Nguồn: FireAnt, BSC

- VGG: Chốt danh sách cổ đông thực hiện chia cổ tức năm 2019 với tỷ lệ 40% (1 cổ phiếu được nhận 4.000 đồng). Với 44,1 triệu cổ phiếu đang lưu hành, số tiền chi trong đợt này là hơn 176 tỷ đồng. Ngày đăng ký cuối cùng vào 18/12/2020 và thời gian thanh toán dự kiến ngày 4/1/2021.
- HND: Công bố sản lượng điện tháng 10-11 đạt 834 triệu kWh, đạt 69% kế hoạch đề ra. Lợi nhuận từ sản xuất kinh doanh điện (chưa bao gồm chênh lệch tỷ giá) đạt 169 tỷ đồng.
- KDC: Ngày 17/12 là ngày giao dịch không hưởng quyền tạm ứng cổ tức năm 2020, ngày đăng ký cuối cùng là 18/12. Theo đó, cổ tức sẽ được trả bằng tiền mặt theo tỷ lệ 10%, thanh toán bắt đầu từ ngày 18/1/2021.
- PGI: Ngày 10/12 là ngày giao dịch không hưởng quyền nhận cổ tức đợt 1 năm 2020, ngày đăng ký cuối cùng là 11/12. Theo đó, cổ tức sẽ được trả bằng tiền mặt theo tỷ lệ 10%, thanh toán bắt đầu từ ngày 28/12/2020.
- PLC: Thông báo phải nộp vào ngân sách nhà nước các khoản thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế giá trị gia tăng truy thu sau thanh tra, phạt tiền thuế khai sai và tiền chậm nộp tổng số tiền hơn 860 triệu đồng. Doanh nghiệp cho biết đã nộp theo đúng quy định vào ngày 3/12.
- L18: Chốt ngày đăng ký cuối cùng để lập danh sách cổ đông thực hiện quyền mua cổ phiếu vào 14/12/2020. Công ty dự kiến chào bán gần 23 triệu cp để nâng vốn điều lệ lên gấp đôi.
- MBB: Ông Lê Quốc Minh, Phó tổng giám đốc đã mua vào 1 triệu cổ phiếu MBB trong ngày 02/12. Sau giao dịch, ông Minh đã nâng sở hữu tại MBB lên hơn 2,29 triệu cổ phiếu.
- TCM: Ông Nguyễn Văn Nghĩa, cổ đông lớn đã mua vào 472.000 cổ phiếu TCM trong ngày 1/12. Sau giao dịch, ông Nghĩa đã nâng sở hữu tại TCM lên hơn 7,22 triệu cổ phiếu, tỷ lệ 11,66%.
- CTI: Nhóm quỹ liên quan tới VinaCapital thông báo bán ra giảm sở hữu tại CTI. Cụ thể, Quỹ Victory Holding Investment Limited đã bán ra 220.090 cổ phiếu để giảm sở hữu từ 9,38% về còn 8,98% vốn điều lệ, giao dịch được thực hiện ngày 23/11.
- DIG: Amersham Industries Ltd và Vietnam Enterprise Investments Ltd, hai cổ đông lớn đã lần lượt bán ra toàn bộ hơn 34,64 triệu cổ phiếu DIG, tỷ lệ 11,3% và 15,64 triệu cổ phiếu DIG, tỷ lệ 5,1% trong ngày 02/12. Theo chiều ngược lại, cũng trong ngày 02/12, CTCP Đầu tư phát triển Thiên Tân đã mua vào hơn 47,19 triệu cổ phiếu DIG, qua đó, nâng sở hữu lên hơn 57,62 triệu cổ phiếu, tỷ lệ 18,09%.

*\*Nếu cần tư vấn thêm, vui lòng liên hệ môi giới cá nhân hoặc đại diện Trung tâm tư vấn khách hàng cá nhân i-center: [i-center@bsc.com.vn](mailto:i-center@bsc.com.vn)*

# CTD

## 66.9

CTCP Xây dựng  
COTECCONS

Xu hướng hiện tại

### Hồi phục

Khuyến nghị  
kỹ thuật

### Tích cực

Kháng cự 68

Hỗ trợ 65

MACD ↑

RSI ↑

Moving Avg ↑

Giá mục tiêu 71.5

Upside 8%

# SRA

## 10

CTCP Sara Việt Nam

Xu hướng hiện tại

### Tích lũy

Khuyến nghị  
kỹ thuật

### Khả quan

Kháng cự 10.3

Hỗ trợ 9.9

MACD ↑

RSI ↑

Moving Avg ↓

Giá mục tiêu 10.8

Upside 8%

#### Dự báo KQKD

BSC dự báo KQKD CTD 2020 với DT và LNST ước đạt lần lượt là 16,846 tỷ đồng (-29% YoY) và 611 tỷ đồng (-14% YoY), tương đương EPS fw là 7,432 đ/cp - PE fw = 10x; BVPS fw=118,629 đ/cp – PB fw= 0.63x. Giả định: Giá trị hợp đồng ký mới 2020 là 13,365 tỷ đồng (-40% YoY) và giá trị hợp đồng chuyển tiếp 2020 là 17,413 tỷ đồng (-20% YoY), biên lợi nhuận gộp của mảng xây dựng CTD sẽ ở mức thấp là 4.4-4.8% do việc cạnh tranh gay gắt trong ngành xây dựng. Chúng tôi kỳ vọng tình hình ngành BĐS và xây dựng dân dụng sẽ phục hồi lại vào năm 2021 nhờ sửa đổi pháp lý và tháo gỡ phê duyệt dự án trong năm sau, cũng như việc đồng lòng của các cổ đông lớn sẽ tạo động lực tăng trưởng mới cho CTD.

#### Phân tích chỉ tiêu định giá

Cổ phiếu có PE hiện tại 4.82 thấp hơn trung bình ngành ; thấp hơn trung bình thị trườngPB hiện tại 0.61 thấp hơn trung bình ngành ; thấp hơn trung bình thị trường .Bên cạnh đó , PE năm trước 2.34 .PE ngành 17.46, PB ngành 0.69. PE thị trường 24.41, PB thị trường 1.07

#### Phân tích chỉ tiêu tăng trưởng

Doanh thu 12 tháng gần nhất là 284.81 tỷ đồng , tăng trưởng -26.94 %.Lợi nhuận sau thuế 12 tháng gần nhất là 49.67 tỷ đồng , tăng trưởng -44.83 %.Tăng trưởng doanh thu 3 năm đạt 361.59 %.Tăng trưởng lợi nhuận 3 năm đạt 365.66 %.

Nguồn: FireAnt, BSC i-Broker

BSC i-Bond

BSC  
Fortune

BSC  
Invest

BSC  
iBROKER

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

## BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV

35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

## BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ

Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>

## Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu

[hn.ptnc@bsc.com.vn](mailto:hn.ptnc@bsc.com.vn)

(+84) 39352722 - Ext 108

## Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC

[hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn](mailto:hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn)

(+84)2439264659

## Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center

[i-center@bsc.com.vn](mailto:i-center@bsc.com.vn)

(+84)2437173639